

TỔNG QUAN TÀI LIỆU HÁN NÔM VỀ TÍN NGƯỠNG TỨ PHÁP TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGUYỄN XUÂN ĐIỆN*
NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

Tóm tắt: Tín ngưỡng Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện được dân gian gọi là Bà Dâu - Bà Đậu - Bà Dàn - Bà Tướng) là tín ngưỡng cổ xưa của Việt Nam, gắn liền với tục thờ các hiện tượng tự nhiên (mây, mưa, sấm, chớp) của cư dân nông nghiệp; có liên quan chặt chẽ tới tín ngưỡng thờ Mẫu và Phật giáo. Tín ngưỡng này lưu hành trong phạm vi không lớn, chỉ bao gồm huyện Thuận Thành (Bắc Ninh), huyện Văn Lâm (Hưng Yên), huyện Thường Tín (Hà Nội) và vài huyện thuộc tỉnh Hà Nam nhưng đã để lại những dấu ấn đặc biệt và rất đậm nét trong văn hóa địa phương.

Bài viết khảo sát, thống kê tư liệu Hán Nôm về Tứ Pháp hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và bước đầu giới thiệu nội dung của mảng tư liệu này.

Từ khóa: Tứ Pháp, Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, tín ngưỡng dân gian

Abstract: The cult of Four Dhamar (tứ pháp) [Pháp Vân or Dharma of Cloud; Pháp Vũ or Dharma of Rain; Pháp Lôi or Dharma of Thunder and Pháp Điện or Dharma of Lightning] in folk parlance are designated respectively as Bà Dâu (Lady Dâu), Bà Đậu (Lady Đậu), Bà Dàn (Lady Dàn) and Bà Tướng (Lady Tướng)]. It is the ancient religious belief of Vietnam, closely associated with the worship of natural phenomena practised by agricultural people, the cult of Mother-Goddesses and Buddhism. In fact, this cult was popular in a not rather large space, chiefly in Thuận Thành District (Bắc Ninh), Văn Lâm District (Hưng Yên), Thường Tín (Hanoi), and some rural districts of Hà Nam. However, it has left extremely particular and deep imprints on the local cultures.

This article tries to examine and do statistics of the Han-Nom documents on the cult of Four Dhamar, which are kept at the Institute of Han-Nom Studies, as well as give preliminary introduction to their content.

Key words: Four Dhamar (Tứ Pháp), Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, folk religious belief

Đề dẫn

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng cổ xưa của dân tộc, gắn liền với tục thờ các hiện tượng tự nhiên của cư dân nông nghiệp và liên quan tới tín ngưỡng thờ Mẫu và Phật giáo. Tín ngưỡng này lưu hành trong phạm vi không lớn về mặt địa lý nhưng đã để lại những dấu ấn đặc biệt

và rất đậm nét trong văn hóa địa phương.

Theo khảo sát sơ bộ của chúng tôi, hiện có 37 di tích thờ Tứ Pháp, trong đó được phân bố như sau: Bắc Ninh (5 di tích), Hà Nội (5 di tích), Hưng Yên (21 di tích), Hà Nam (4 di tích), Bắc Giang (2 di tích). Hưng

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

** TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Yên nhiều di tích Tứ Pháp nhất, với 21 di tích và tập trung ở ba huyện phía Bắc của tỉnh là Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào¹.

Tài liệu về tín ngưỡng Tứ Pháp hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) cho thấy tín ngưỡng này không chỉ có lâu đời, mà mức độ ảnh hưởng của nó được các triều đại rất coi trọng, mỗi sự kiện liên quan đều được chính sử ghi chép. Sự tham gia của nhà Nho đối với tín ngưỡng thể hiện qua các văn bản được soạn thảo và lưu trữ từ triều đình cho tới dân gian.

1. Khảo sát và thống kê văn bản liên quan đến tín ngưỡng thờ Tứ Pháp

1.1. Khảo sát các bản ngữ lục, ngọc phả, thần tích Tứ Pháp

VNCHN hiện lưu trữ khá nhiều các bản thân tích, ngọc phả, phả lục và sách chép sự tích của Tứ Pháp. Điềm qua, đã có các tư liệu: *Pháp Vũ tự thực lục* 法雨寺實錄 (A.2933), *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* 古珠法雲佛本行語錄 (A.818), *Cổ Châu Tứ Pháp phả lục* 古珠四法譜錄 (A.2051), *Lĩnh Nam chí chích* 嶺南摭怪 (A.33), *Việt điện u linh* 越南幽靈 (A.751), *Ức Trai di tập* 抑齋遺集 (Q.6. VHv.1772/3), *Liệt tiên truyện* 列仙傳 (VNv. 284), *Tứ Pháp ngọc phả Quốc âm* 四法玉譜國音 (A.2051). Ngoài ra, tại chùa Dâu (thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), hiện còn giữ được *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (thường gọi là *Cổ Châu lục* 古珠錄) và *Cổ Châu Phật bản hạnh* (thường gọi là *Cổ Châu hạnh* 古珠行). Hai văn bản này đã được nhóm cán bộ nghiên cứu Hán Nôm khảo sát, miêu tả, nghiên cứu và biên dịch, do Nguyễn Quang Hồng chủ trì.

Sau khi khảo sát, chúng tôi thấy có 07 văn bản rất đáng chú ý và xin lần lượt giới thiệu từng văn bản như sau:

1/ *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* 古珠法雲佛本行語錄 (A.818), bản in, gồm 42 trang, khổ 28 x 15 cm, do Viên Hùng dịch ra chữ Nôm ở dạng song ngữ. In lại vào năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Nội dung ghi sự tích bà A Man (Man Nương) cùng các vị Phật thuộc hệ Tứ Pháp và tán dương công đức của họ đối với dân với nước.

Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục, phần cuối của văn bản cho biết, người viết chữ để khắc là Hải Tịch (pháp danh của một nhà sư hoặc một môn đồ của chùa Dâu). Việc san khắc ván in do nhà sư Tính Mộ (1706 - 1755) trụ trì chùa Dâu lúc bấy giờ đứng ra trông coi, với sự đóng góp và trợ giúp của các môn đồ như Hải Mật, Hải Lệ, Hải Tổ, Hải Nhiệm, Hải Bạch, Hải Dật, Hải Thần, Hải Ứng, Hải Di. Phần diễn dịch sang chữ Nôm do Viên Thái thực hiện, ông có thể là một nhà sư, hoặc Phật tử mà hiện giờ chúng ta chưa xác định được.

Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục cho biết công việc san khắc hoàn thành vào mùa thu năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Xét về sự ra đời của tác phẩm chúng ta còn chưa thấy ghi rõ. Song có một căn cứ để đoán định niên đại tác phẩm như sau: Trong văn bản, sau phần kể sự tích bà Man Nương từ khi gặp thầy Khâu Đà La cho đến khi hoá thành Phật và hình thành nên hệ thống chùa Tứ Pháp ở Giao Châu là phần ghi lại sự cảm ứng linh thiêng của Phật Pháp Vân qua các lần cầu đảo (theo thứ tự thời gian triều đại)

mà đích thân nhà vua hoặc hoàng hậu và các quan trong triều cử hành. Lần cầu mưa đầu tiên được ghi lại là vào thời Lý Nhân Tông, năm nhà vua mới lên ngôi (1072) và lần cầu đảo cuối cùng được ghi vào vào năm Đại Khánh thứ 9 (1322), dưới thời vua Trần Minh Tông. Nếu văn bản này soạn khá muộn về sau này, thì những sự kiện cầu đảo linh ứng tương tự như vậy diễn ra vào những triều vua nhà Trần hoặc nhà Lê sau đó ắt hẳn cũng phải được ghi chép vào đây. Thế nhưng, trong nguyên bản *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* không thấy biên chép gì nữa sau thời vua Trần Minh Tông (1314 - 1329). Mãi cho đến năm Lê Cảnh Hưng thứ 13 (1752), khi nhà sư Tính Mộ cho khắc ván in lại nguyên bản *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (kèm diễn Nôm), thì nhà sư mới cho soạn thêm hơn 100 chữ Hán nữa, phụ khắc vào cuối với tiêu đề “Khánh kim” để phản ánh kịp thời những sự kiện cầu đảo linh nghiệm ở bản chùa vừa diễn ra không lâu dưới thời vua Lê chúa Trịnh. Dựa theo những ghi chép trong *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄 của Lê Quý Đôn chúng ta biết Lý Tế Xuyên soạn *Việt điện u linh tập* vào năm đầu niên hiệu Khai Hựu (1329) thuộc triều vua Trần Hiến Tông (1329 - 1341) kế tiếp sau vua Trần Minh Tông nói ở trên. Như vậy có nhiều lý do để đoán định rằng, phần “cổ bản” Hán văn trong *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* đã được soạn không lâu sau cuốn *Việt điện u linh tập* và soạn giả có chịu ảnh hưởng từ cuốn sách nổi tiếng của Lý Tế Xuyên. Đó có thể là vào khoảng nửa cuối thế kỷ XIV (cuối nhà Trần), hoặc muộn lắm là đầu thế kỷ XV (đầu nhà Lê).

2/ *Cổ Châu Phật bản hạnh* 古珠佛本行², bản in gồm 42 trang, khổ 15 x 22 cm, mỗi trang chia thành 6 cột, mỗi cột khắc một cặp lục bát chữ Nôm (246 cặp). Không ghi tên tác giả, khắc in vào năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Nội dung, kể về sự tích Man Nương cùng sự hình thành nên hệ thống chùa Tứ Pháp. Hầu hết các chi tiết trong tác phẩm trùng hợp với *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, có khác chăng là sự việc đôi khi được kể lại tỷ mỉ hơn, nhất là quang cảnh lễ hội chùa Dâu đã được tác giả dựng lại khá sinh động.

Cổ Châu Phật bản hạnh không ghi tên tác giả. Tuy nhiên, nếu chúng ta căn cứ vào một số tiêu chí thể hiện qua văn khắc thì hoàn toàn có thể khẳng định được rằng, chính nhà sư Tính Mộ cùng các môn đồ kể trên là những người đứng ra san khắc tác phẩm này là tác phẩm tiếp theo. Xét về kích cỡ ván của cùng hình thức trình bày đến cách chia cột, khắc chữ ở bộ ván in này thì thấy giống hệt như bộ ván khắc *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*. Hơn thế, dòng chữ ghi năm tháng hoàn tất việc san khắc bộ ván này cũng giống hệt như ở bộ ván *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, đều là Cảnh Hưng thập tam niên chi Nhâm Thân / 景興十三年之壬申 (tức năm 1752), chỉ khác là bộ *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, khắc xong vào “một ngày lành mùa Thu”, còn bộ *Cổ Châu Phật bản hạnh* thì khắc xong vào “giờ lành tiết Nhất Dương” (tức là khoảng tháng mười một ta). Như vậy, hai bộ ván được san khắc xong chỉ chênh nhau trước sau vài ba tháng. Bởi vậy, mặc dầu ở cuối bộ ván

Cổ Châu Phật bản hạnh không ghi rõ, chúng ta vẫn có thể đoán nhận ra rằng, việc san khắc hai tác phẩm *Cổ Châu Phật bản hạnh* và *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* đã được nhà sư Tĩnh Mộ đặt ra cùng một lúc và thực hiện công việc này gần như đồng thời với nhau. Rất tiếc là chúng ta không biết rõ tác giả *Cổ Châu Phật bản hạnh* là ai.

Cổ Châu Phật bản hạnh chỉ cho biết công việc san khắc hoàn thành vào mùa thu năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Song có một vài chi tiết giúp ta căn cứ để xác định niên đại ra đời của tác phẩm. Trước hết, đó là niên đại Hồng Đức (1470 - 1497) dưới triều vua Lê Thánh Tông được nhắc đến vào đoạn cuối của tác phẩm với quang cảnh lễ hội chùa Dâu tung bừng náo nhiệt. Sau đó là hết, không còn nhắc đến một triều đại nào tiếp theo nữa. Và đó cũng là chi tiết mới thêm vào so với nguyên văn *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*. Thứ nữa, để gọi tên nước Trung Hoa thời cổ xưa (thời nhà Hán, nhà Tùy, v.v...), tác giả vẫn quen gọi là Đại Minh, theo cách gọi tên nước thời nhà Minh (1368 - 1644) - cách người đương thời mới quen gọi. Từ đó suy ra, tác phẩm này không thể ra đời muộn hơn năm 1644 (từ đó về sau không được gọi tên nước là Đại Minh nữa) và đương nhiên cũng không thể hình thành sớm hơn năm 1470 (trước đó chưa có niên hiệu Hồng Đức). Tuy nhiên, giới hạn thời gian đó vẫn còn quá rộng, nhất là đối với mốc khởi đầu. Có lẽ tác phẩm này ít có khả năng xuất hiện trước phân diễn Nôm văn xuôi trong *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, mà khả năng nhiều nhất là đồng thời

hoặc sau một thời gian ngắn tức là cũng vào khoảng cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII.

3/ *Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi* 獻古珠佛祖儀³, bản in gồm 26 trang, khổ 30 x 20 cm, mỗi trang chia thành 5 cột với tổng số hơn 1.500 chữ Hán. Do nhà sư Thích Quảng Điều, Viện Thiên Phong trên núi Từ Sầm (Sơn Tây) dựa theo khoa nghi cũ mà sửa chép lại⁴. Nhà sư Chiếu Tuyên biên tập rồi cho san khắc vào năm Quang Trung thứ 5 (1792). Họ Nguyễn ở xã Kiều Kỵ viết chữ Hán và hiệp thợ Hồng Lục khắc chữ. Nội dung, tập hợp hệ thống các bài văn tụng niệm khi cúng dâng hương các vị Phật tổ chùa Dâu và cả các vị Phật thuộc hệ Tứ Pháp. Trong các bài văn cúng lần lượt có nhắc đến tất cả các “nhân vật” chủ yếu đã xuất hiện trong *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* và *Cổ Châu Phật bản hạnh*: Phật Mẫu A Man; chư vị Tứ Pháp và Thạch Quang Phật; Khâu Đà La, ông bà Tu Định và cả Sĩ Vương; các vị Phật tổ bản chùa, ngoài Thiên sư Tì Ni Đa Luru Chi (? - 594), Thiên sư Pháp Hiền (? - 626) còn có Thiên sư Sùng Phạm (1004 - 1087).

Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi, căn cứ vào một số chi tiết qua những lời văn được ghi ở trong tác phẩm, chúng tôi cho rằng *Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi* vốn cũng là những văn bản chữ Hán đã được soạn ra từ xưa, nhưng không rõ là từ thời nào. Song đến thế kỷ XVIII thì được nhà sư Thích Quảng Điều dựa theo khoa nghi cũ mà sửa chép lại. Đến năm Quang Trung thứ 5 (1792), nhà sư Chiếu Tuyên biên tập rồi cho san khắc.

4/ *Cổ Châu Tứ Pháp phả lục* 故珠四法譜錄 (A.2051), bản in, gồm 20 trang

chữ Hán và Nôm, khổ 21 x 14 cm; do Yên Lạc đường in năm Khải Định thứ 4 (1919). Nội dung có hai phần: phần 1, sau *Tiểu dẫn* là bài *Tứ Pháp ngọc phả* do Trần Đăng Thái dựa vào bản *Tứ Pháp cựu truyện* nào đó ở xã Khúc Toại mà biên soạn ra. Bản ngọc phả này dài không quá 1.000 chữ, kể vắn tắt về sự tích Phật A Man cùng chư vị Phật Tứ Pháp. Tiếp theo lại có cả bản diễn Nôm *Tứ Pháp ngọc phả Quốc âm* 四法玉譜國音 thể lục bát gồm 126 dòng (63 cặp), do Đỗ Huy Liêu soạn.

5/ *Thánh tích thực lục* 聖跡實錄 (A.1067), bản chép tay, gồm 20 trang, khổ 35.5 x 22.5 cm; chép năm Thành Thái Đinh Dậu (1897). Nội dung ghi chép sự tích 4 vị thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô và Pháp Điện.

6/ *Pháp Vũ tự thực lục* 法雨寺實錄 (A.2933), bản chép tay, gồm 5 trang, khổ 26 x 16 cm; không ghi niên đại và người sao chép. Nội dung ghi chép lại sự tích thần Pháp Vũ và sự tích vị thần thờ ở xã Đình Tô; các nghi tiết tế thần và 45 bài gồm văn tế, cáo các thần, các bậc tiên thánh, tiên hiền.

7/ *Lịch đại phong tặng mỹ tự* 歷代封贈美字 (VHv.1306), bản chép tay, gồm 230 trang, khổ 29 x 17 cm, không ghi tên tác giả, san khắc vào năm Quang Trung

thứ 5 (1792). Nội dung ghi chép lại những mỹ tự của các thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện; các bài văn tế thần; các nghi thức cúng tế; sớ thỉnh cầu; 58 câu đối ở các miếu thờ.

Xét về niên đại của văn bản, về tính hoàn chỉnh và hợp lý của nội dung và hình thức văn bản, thì các văn bản quan trọng nhất vẫn là *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, *Cổ Châu Phật bản hạnh*, *Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi*.

Nhìn chung lại các văn bản về Tứ Pháp có niên đại soạn, khắc, sao chép từ khá sớm. Đáng tiếc những văn bản đó hiện nay không còn lưu giữ được. Hiện mới chỉ tìm thấy văn bản có niên đại san khắc sớm nhất vào năm 1752.

Các văn bản về Tứ Pháp tựu trung có hai chủ đề: thứ nhất, kể lại sự tích bà A Man cùng các vị Phật thuộc hệ Tứ Pháp và tán dương công đức của họ đối với dân với nước; thứ hai, những bài văn cúng, sớ, tỏ lòng tưởng nhớ của hậu thế đối với chư Phật và cầu mong được chư Phật thiêng liêng muôn đời phù hộ.

Ngoài các văn bản trên, kho Thần tích AE của VNCHN cũng lưu trữ bản sao chép nhiều thần tích Tứ Pháp của nhiều làng xã thuộc các tỉnh Bắc Ninh, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên⁵. Dưới đây là bảng thống kê:

Bảng thống kê thần tích Tứ Pháp kho AE - VNCHN

TT	Kí hiệu	Văn bản	Thần tích	Niên đại	Số tr.
1.	AE.a7/2	Bắc Ninh tỉnh, Từ Sơn phủ, Đông Ngàn huyện, Hạ Dương tổng, Phù Ninh xã thần tích 北寧省慈山府東岸縣夏陽總各社神蹟	Pháp Vân (chùa Nành)	Sao năm 1707	18
2.	AE.a2/87	Hà Đông tỉnh, Thường Tín phủ, Thượng Phúc huyện, Bình Lăng tổng,	Man Nương Đại Thánh Pháp	Nguyễn Bính soạn	70

		Từ Vân xã thần tích 河東省常信府上福縣平陵總慈雲社神蹟	Lôi Bồ Tát	năm 1572	
3.	AE.a13/3	Hà Nam tỉnh, Duy Tiên huyện, Bạch Sam tổng, Thần Nữ xã thần tích 河南省維先縣白杉總各社村神蹟	Man Nương	Bảo Thái thứ 5 (1724)	6
4.	AE a13/15	Hà Nam tỉnh Kim Bảng huyện Kim Bảng tổng Vân Lâm xã thần tích 河南省金榜縣金榜總雲林社神蹟	<i>Đại Thánh Pháp Vân Phật ngọc phủ lục. Cổ Châu pháp Vân Phật hạnh bản ngữ lục.</i>	Vĩnh Hựu 2 (1736)	70
5.	AE a13/15	Hà Nam tỉnh Kim Bảng huyện Kim Bảng tổng Vân Châu xã thần tích 河南省金榜縣金榜總雲洲社神蹟	<i>Đại Thánh Pháp Vân Man Nương ngọc phủ lục.</i>	Vĩnh Hựu 2 (1736) sao chép	42
6.	AE a13/15	Hà Nam tỉnh Kim Bảng huyện Kim Bảng tổng Đặng Xá xã Đặng thôn thần tích 河南省金榜縣金榜總鄧舍社鄧村神蹟	<i>Nam Thiên Tử Thánh thực lục. Báo cục truyện</i>	Không ghi	45
7.	AE.a13/19	Hà Nam tỉnh, Kim Bảng huyện, Phương Đàn tổng, Phương Thượng xã thần tích 河南省金榜縣芳壇總各社神蹟	<i>Nam Thiên Tử Thánh</i>	Chép lại năm Bảo Thái thứ 2 (1721)	17
8.	AE.a13/19	Hà Nam tỉnh, Kim Bảng huyện, Phương Đàn tổng, Dương Cương xã thần tích 河南省金榜縣芳壇總各社神蹟	Pháp Vân Phật Thượng Đẳng Thần		19
9.	AE.a13/21	Hà Nam tỉnh, Kim Bảng huyện, Thụy Lôi tổng, Đinh Xá xã thần tích 河南省金榜縣瑞雷總各社神蹟		Chép lại năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752)	17
10.	AE.a3/4	Hung Yên tỉnh, Khoái Châu phủ, Đông An huyện, Bằng Hồ xã thần tích 興安省快州府東安縣各社神蹟	Pháp Vũ Đại Thánh	Sao năm 1781	14
11.	AE.a3/18	Hung Yên tỉnh, Văn Lâm huyện, Thái Lạc xã thần tích 興安省文林縣太樂社神蹟	Pháp Vũ Phật Tôn Thần	Chép năm 1897	14
12.	AE.a3/30	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Hòa Bình tổng, Đại Hạnh xã thần tích 興安省安美縣和平總各社村神蹟	Tứ Pháp	Nguyễn Bính soạn năm 1572	62

TỔNG QUAN TÀI LIỆU HÁN NÔM VỀ TÍN NGƯỠNG...

13.	AE.a3/35	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Liêu Xá tổng, Liêu Trung xã thần tích 興安省安美縣遼舍總各社村神蹟	Pháp Vân Vương Mẫu Thiên Thần, Thạch Quang Vương Phật Thiên Thần		34
14.	AE.a3/41	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Sài Trang tổng, Nguyên Xá thôn thần tích 興安省安美縣柴莊總各社村神蹟	Pháp Vân Phật Thánh		52
15.	AE.a3/1	Hung Yên tỉnh, Ân Thi huyện, Đặng Xá xã thần tích 興安省恩施縣各社神蹟	Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện	Nguyễn Hiền 1737	28
16.	AE.a3/24	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Đồng Than tổng, Thượng thôn thần tích 興安省安美縣桐灘總桐灘社各村神蹟	Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện		14
17.	AE.a3/25	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Đồng Than tổng, Hoàng Đồi xã, Ngọc Tỉnh thôn Phật tích 興安省安美縣桐灘總黃堆社玉井村佛蹟	Tứ Pháp Đại Thánh	Chép năm 1875	66
18.	AE.a3/27	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Đồng Than tổng, Lạc Cầu xã, Tử Cầu thôn thần tích 興安省安美縣桐灘總樂球社樂球紫球二村神蹟	Tứ Pháp		28
19.	AE.a3/38	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Liêu Xá tổng, Lạc Cầu xã, Ông Hào thôn thần tích 興安省安美縣遼舍總各社村神蹟	Tứ Pháp		12
20.	AE.a3/39	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Liêu Xá tổng, Liêu Thượng xã, Cao Xá, Cao Cầu nhị thôn Phật tích 興安省安美縣遼舍總遼上社佛蹟	Tứ Pháp	Chép năm 1831	14
21.	AE.a3/43	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Sài Trang tổng, Quận Ngọc xã thần tích 興安省安美縣柴莊總各社神蹟	Tứ Pháp	Sao năm Gia Long (1802 - 1819)	76
22.	AE.a3/45	Hung Yên tỉnh, Yên Mỹ huyện, Sài Trang tổng, Trai Trang, Sài Trang, Nghĩa Trang, Thụy Trang xã và Liêu Trung xã, Dịch Trì xã thuộc tổng Liêu Xá thần tích 興安省安美縣柴莊總各社村神蹟	Tứ Pháp	Sao năm 1848	14

1.2. Khảo sát các tài liệu lịch sử và địa chí về Tứ Pháp

1.2.1. Tài liệu lịch sử về Tứ Pháp

Tứ Pháp được nhắc đến nhiều lần trong chính sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目 cho thấy sự gắn bó giữa tín ngưỡng dân gian với Phật giáo Việt Nam.

Lòng tin vào tín ngưỡng Tứ Pháp mạnh đến mức vào các thời Lý, Trần, Lê, nhiều lần triều đình tổ chức rước tượng Pháp Vân về Thăng Long để cầu đảo.

Riêng về thời Lý, qua khảo sát *Đại Việt sử ký toàn thư*, tác giả Nguyễn Thị Anh “đã thống kê được 21 lần cầu đảo liên quan đến Tứ Pháp ở ba triều đại vua Lý: Lý Nhân Tông (1073-1127), Lý Thần Tông (1128-1138), Lý Cao Tông (1176-1210)”⁶.

Khảo sát cho thấy: “Lễ cầu mưa nhiều nhất vào thời Lý Thần Tông với 14 lần cầu đảo, chiếm 66,7%. Tiếp đến là đời Lý Nhân Tông với 6 lần cầu đảo chiếm 28,6% và đời Lý Cao Tông với một lần cầu đảo chiếm 4,7%”⁷.

“Thời Trần, Phật pháp khá thịnh hành nhưng không thấy ghi chép về cầu đảo nói chung và cầu mưa nói riêng. Chỉ vào năm 1356 sử chép lại một sự kiện lập đàn chay cầu đảo cho Thượng hoàng: “Hiển Từ thái hậu thiết pháp lập đàn ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng. / 憲慈太后設法會於昭慶寺,發錢 施貧民為上皇禱”. Ngoài lần cầu đảo này ra thì không thấy ghi chép về cầu đảo”⁸.

“Thời Lê triều đình nhiều lần cúng cầu đảo nhưng chỉ vào năm 1434 là cầu mưa liên quan tới Tứ Pháp: “Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, lệnh cho bách quan

đón Phật ở chùa Pháp Vân ở Cát Châu về Đông Kinh cầu mưa/ 夏四月朔,命百官迎吉州法雲寺佛赴東京禱雨”.... So sánh 3 triều đại Lý, Trần, Lê, chúng tôi thấy rằng triều Lý có nhiều ghi chép về tín ngưỡng cầu mưa liên quan đến Tứ Pháp hơn so với hai triều đại nhà Trần và nhà Lê”⁹.

Sách *Lịch đại phong tặng mỹ tự* 歷代封贈美字 (VHv.1306) còn ghi nhận được một lần nữa có cầu đảo Tứ Pháp dưới thời Tây Sơn: “Năm Quang Trung thứ 2 (1789) gặp phải hạn hán, phụng nghênh Tứ thánh đến điện Nam Giao để cầu mưa, sau hai ngày quả có mưa lớn. Mùa hạ tháng 6 năm Kỷ Dậu ruộng khô nứt nẻ, lệnh cho Hình bộ Thượng thư Giác Lý hầu phụng nghênh Đại thánh Pháp Vân, Đại thánh Pháp Điện ở chùa Văn Giáp; Đại thánh Pháp Vân ở chùa Thành Đạo cùng đến chùa Diên Ứng ở Cổ Châu để hợp tế cầu đảo, quả nhiên được mưa lớn”¹⁰.

Nghi lễ rước tượng Phật Tứ Pháp về kinh là một nghi lễ rất lớn, được triều đình tổ chức, có lần do chính nhà vua và hoàng hậu tới làm lễ. Nghi lễ này còn đến tận đầu thời Lê, dưới thời Lê Nhân Tông: “Mậu Thìn, Thái Hòa năm thứ 6 (1448)... Sai Thái úy Lê Khả đến xã Cổ Châu rước tượng Phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên ở kinh thành. Xuống chiếu cho các nhà sư tụng kinh cầu đảo. Vua và hoàng thái hậu cùng đến làm lễ” (*Bản kỷ Thực lục*, Quyển XI)¹¹.

Sách *Lịch đại phong tặng mỹ tự*, trong bài tựa có đoạn chép như sau:

“Mùa thu năm Lý Nhân Tông đăng quang lên ngôi (1072), mưa nhiều tháng liên tục, lệnh nghênh rước Tứ Thánh đến chùa Báo Thiên, thân lâm lễ bái xin tạnh. Quả nhiên mưa tạnh, nhà vua rất mừng.

Mùa thu năm Thái Ninh thứ 3 (1074), sắc lệnh cho Trung thư tướng công là Đỗ Kiệt đem theo các quần thần cùng Tăng thống An Tĩnh mặc áo cà sa đến chùa Đông Lâm đốt hương lễ bái thì quả nhiên có được mưa to.

Tháng 6 mùa hạ năm Bính Thìn triều Lý Anh Tông thứ 17 (1152), bách quan sửa lễ nghênh Tứ Thánh về chùa Báo Thiên, mời Thái hậu lễ bái cầu mưa. Khi xa giá về đến ngoài gác Vĩnh Bình thì mưa chợt đổ xuống.

Tháng 6 mùa hạ năm Đại Khánh thứ 9 (1322), sai quan đến chùa Văn Giáp cầu mưa, sau quả nhiên có mưa.

Thánh 8 năm Mậu Thìn niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đại hạn, sai quan đến chùa Văn Giáp cầu mưa và quả nhiên được mưa lớn.

Thời vua Lê chúa Trịnh hạn hán, phụng nghênh Tứ Thánh đến chùa Báo Thiên để cầu mưa, có ứng nghiệm mưa lớn.

Năm Quang Trung thứ 2 (1789) gặp phải hạn hán, phụng nghênh Tứ Thánh đến điện Nam Giao để cầu mưa, sau hai ngày quả có mưa lớn. Mùa hạ tháng 6 năm Kỷ Dậu ruộng khô nứt nẻ, lệnh cho Hình bộ Thượng thư Giác Lý hầu phụng nghênh Đại Thánh Pháp Vân, Đại Thánh Pháp Điện ở chùa Văn Giáp; Đại Thánh Pháp Vân ở chùa Thành Đạo cùng đến chùa Diên Ứng ở Cổ Châu để hợp tế cầu đảo, quả nhiên được mưa lớn”¹².

Về tài liệu sắc phong kho Thần sắc (AD): Sắc phong là một loại văn bản đặc biệt, được ban ra từ triều đình, mang tính chất quan phương. Do vậy, sắc phong cho bách thần là một trong những nguồn tài liệu có giá trị trong việc tìm hiểu về các vị thần

qua đánh giá tôn vinh của triều đình. VNCHN hiện lưu giữ sắc phong cho 43 xã thôn thờ Tứ Pháp. Trong đó Bắc Ninh 3 xã thôn (AD.a7/3), Hà Đông 35 xã thôn (AD.a2/69 và AD.a2/71), Hưng Yên 1 xã (AD.a3/32), Nam Định 2 xã thôn (AD.a16/31 và AD.a16/33), Ninh Bình 2 xã thôn (AD.a4/20)¹³.

Niên đại sắc phong sớm nhất được ghi nhận trong tài liệu *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện La Phù tổng Gia Phúc xã Pháp Vũ tự sắc* 河東省常信府上福縣羅浮總嘉福社法雨寺敕 (AD a2/69) phong năm Thịnh Đức thứ 3 (1655) cho An Nam quốc Đệ nhất danh lam Pháp Vũ tự Đại Từ Đại Thánh Pháp Vũ Bồ Tát.

Niên đại sắc phong muộn nhất được ghi nhận trong 3 tài liệu: *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện La Phù tổng Gia Phúc xã Pháp Vũ tự sắc* 河東省常信府上福縣羅浮總嘉福社法雨寺敕 (AD a2/69) phong năm Bảo Hưng thứ 2 (1802) cho Pháp Vũ Đại Bồ Tát; *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Thượng Cung tổng Văn Giáp xã thần sắc* 河東省常信府上福縣上供總文甲社神敕 (AD a2/71) phong năm Bảo Hưng thứ 2 (1802) cho Pháp Vân Đại Bồ Tát; *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thượng Phúc huyện Thượng Cung tổng Văn Giáp xã thần sắc* 河東省常信府上福縣上供總文甲社神敕 (AD a2/71) phong năm Bảo Hưng thứ 2 (1802) cho Pháp Lô Đại Bồ Tát.

1.2.2. Tài liệu địa chí về Tứ Pháp

Tín ngưỡng Tứ Pháp có mặt trên nhiều tỉnh ở châu thổ Bắc Bộ như Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hà Nội,... hiện diện qua các di tích đền đài lớn, quốc đảo dân cầu, hình thành

nên các lễ hội đặc sắc tạo nên sự khác biệt. Vì lẽ đó, từ quốc chí đến địa phương chí đều có ghi chép về tín ngưỡng này.

Về quốc chí: *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志 (A.69/1, tờ 48-49a); *Lịch triều hiến chương loại chí (Dư địa chí)* 歷朝憲章類誌 (輿地志), *Đồng Khánh địa dư chí lược* 同慶地輿志略 (A.537/1, tờ 48-49a, 27a); *Bắc thành địa dư chí lục* 北城地輿誌錄 (A.1565/1, tờ 116a).

Về địa phương chí: Địa phương chí Hà Nội: *Hà Nội địa dư* 河內地 (A.1154, 53a); *Hà Nội sơn xuyên phong vực* 河內山川風域 (A.541, 55a); *Thăng Long cổ tích khảo* 昇龍古跡考 (A.1820), *Kim Anh huyện địa dư chí* 金英縣地輿志 (A.841). Địa phương chí Bắc Ninh: *Bắc Ninh phong thổ tạp ký* 北寧風土雜記 (A.425), *Bắc Ninh tỉnh chí* 北寧省誌 (A.569), *Bắc Ninh tỉnh địa dư* 北寧省地輿 (A.590, tờ 72), *Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí* 北寧全省輿地 (A.2889). Địa phương chí Hưng Yên: *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí* 興安省一統志 (A.963). Địa phương chí Hải Dương: *Hải Dương phong vật chí* 海陽風物志 (A.882), *Hải Dương tỉnh địa dư chí* 海陽省地輿志 (A.1940).

1.3. Khảo sát văn khắc về Tứ Pháp

Qua khảo sát của chúng tôi, VNCHN lưu trữ 64 thác bản văn khắc (bia, chuông, khánh) thuộc các di tích thờ Tứ Pháp (Xin xem Bảng thống kê ở phụ lục phía sau). Trong số bia có 7 bia dạng hộp, còn lại là bia dạng dẹt hai mặt hoặc ba mặt.

Trong số 64 văn khắc dựng hoặc treo ở những nơi thờ Tứ Pháp, có 17 văn bia ghi việc trùng tu chùa, còn lại là bia ghi việc bầu Hậu Phật, Hậu Thần. Về tác giả soạn văn bia, có 36 văn khắc trong tổng

số 64 văn khắc có ghi tên soạn giả, trong đó một phần ba số này là các Tiến sĩ (12/36 văn bia), số còn lại là những người có chức sắc như Thị nội thư tả, Tri huyện, Sinh đồ. Điều này cho thấy, đối với văn bia ở những cơ sở thờ Tứ Pháp rất được đề cao. 12 vị Tiến sĩ soạn văn bia là:

Tiến sĩ Đặng Công Diễn (1698 - ?), người xã Phù Đồng, huyện Tiên Du (nay là thôn Phù Đồng, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội), soạn hai bài văn bia, một bài *Phù Ninh xã phụng sự Hậu Phật bi ký* 扶寧社奉事後佛碑記 (N°246/2468); một bài *Bảo tín bi ký/Lưu truyền vạn đại* 寶信碑記/流傳萬代 (N°2464/2465) đều dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Bùi Trọng Huyền (1713 - ?), người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống (nay là thôn Tiên Mộc, xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi ký* 後佛碑記 (N° 2331/2332), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Nguyễn Mậu Thịnh (1668 - ?), người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm (nay là thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi ký* 後佛碑記 (N°2335/2336), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Đinh Nguyên Hanh (1683 - ?), người xã Kim Lan, huyện Gia Lâm (nay là thôn Kim Quan, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm, Hà Nội), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi ký* 後佛碑記 (N° 2337/2338/2339),

dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Phạm Khiêm Ích (1679 - 1741), người xã Bảo Triện, huyện Gia Định (nay là thôn Bảo Triện, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh); sau dời đến xã Kim Sơn (nay là thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội), soạn bài văn bia *Trùng tu Pháp Vân tự bi ký* 重修法雲寺碑記 (N°2340/2341/2342), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Trần Xuân Yển (1689-?), người xã An Lạc, huyện Thanh Lâm (nay là xã An Châu, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi ký* 後佛碑記 (N°2343/2344), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Tiến sĩ Nguyễn Diệu Huyền (1727 - ?), người xã Thu Lãng, huyện Cẩm Giàng (nay là thôn Thu Lãng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi ký* 後佛碑記 (N°10013/10014), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tiến sĩ Vũ Thạnh (1664 - ?), người xã Mộ Trạch, huyện Đường An (nay là thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương), soạn bài văn bia *Trùng tu Pháp Vân tự bi ký* 重修法雲寺碑 (N°10022/10023), dựng tại chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tiến sĩ Phan Lê Phiên (1735 - 1809), người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, (nay là phường Đông Ngạc, quận Từ Liêm,

Hà Nội), soạn bài văn *Pháp Vũ tự khánh* 法雨寺磬 (N°20932/20933), dựng tại chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông.

Tiến sĩ Nguyễn Công Thái (1684-1758) người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì (nay là làng Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội), soạn bài văn bia *Hậu Phật bi* 後佛碑 (N°7848/7849) dựng Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông.

Tiến sĩ Nguyễn Thọ Xuân (1545-?) người xã Thượng Đáp, huyện Thanh Lâm, (nay là thôn Thượng Đáp, xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương), soạn bài văn bia *Tu tạo Pháp Vũ tự bi/Thập phương tín thí ký* 修造法雨寺碑/十方信施記 (N°7850/7851) dựng tại Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông.

Tiến sĩ Nguyễn Lễ (1541-?), người xã Đào Tai, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn (nay là thôn Đào Viên, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh), soạn bài văn bia *Phúc điền bi* 福田碑 ((N°5806), dựng tại chùa Pháp Lôi, xã Nhạc Miếu, tổng Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Về niên đại dựng bia, trong tổng số 64 văn khắc thì chỉ có 05 văn khắc không ghi niên đại tạo tác. Trong số 59 văn khắc có ghi niên đại, thì văn khắc có niên đại sớm nhất là năm Sùng Khang thứ 4 (1569) đó là bia *Pháp Vũ tự bi* 法雨寺碑 (N°7852/7853) dựng tại chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông; bia có niên đại muộn nhất vào năm Tự Đức

thứ 3 (1850) đó là bia khắc lại *Sắc chỉ Cổ Châu Diên Ứng tự* 敕旨古珠延應寺 (N°2783/2784), dựng tại chùa Dầu (Diên Ứng tự) xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

Các vị Tứ Pháp được thờ ở các ngôi chùa chủ yếu là Pháp Vân, thứ đến là Pháp Vũ. Căn cứ vào dòng niên đại thấy hầu hết các văn bia xuất hiện vào thời Lê Trung hưng. Đây là nguồn tư liệu quý giúp chúng ta nhận diện từ mặt bằng kiến trúc, đến hệ thống thờ tự Phật pháp.

Tóm lại, văn bia ở những nơi thờ Tứ Pháp có giá trị nhiều mặt trong việc nghiên cứu lịch sử văn hóa xã hội đương thời. Trải qua thời gian, nhiều di tích kiến trúc Phật giáo đều bị hư hại, biến đổi nhiều, thì tư liệu văn bia có giá trị quan trọng trong việc khôi phục lại quy mô kiến trúc, cũng như phục dựng lại các nghi lễ Phật giáo trong quá khứ. Văn bia thờ Tứ Pháp cho nhiều thông tin về tục gửi Hậu, bầu Hậu làng xã xưa; cho thấy tình hình “xã hội hóa” trong việc xây dựng, trùng tu chùa thời xưa, trong đó có cả sự đóng góp lớn, mang tính quyết định của nhiều thành viên hoàng gia Lê - Trịnh.

1.4. Khảo sát tài liệu văn học về Tứ Pháp

Các tác phẩm văn học về đề tài Tứ Pháp hiện lưu trữ tại VNCHN trực tiếp viết về Tứ Pháp gồm: *Pháp Vũ tự thực lục* 法雨寺實錄 (A.293), *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* 古珠法雲佛本行語錄 (A.818), *Cổ Châu Tứ Pháp pháp lục* 古珠四法譜錄 (A.2051), *Lĩnh Nam chích quái* 嶺南摭怪 (A.33), *Việt điện u linh* 越甸幽靈 (A.751), *Liệt tiên truyện* 列

仙傳 (VNv.284), *Tứ Pháp Ngọc phả Quốc âm* 四法玉譜國音 (A.2051) và các văn bản lưu trữ tại Chùa Dầu gồm: *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (*Cổ Châu lục*), *Cổ Châu Phật bản hạnh* (*Cổ Châu hạnh*).

Ngoài ra sự tích Tứ Pháp còn được chép trong các sách: *Thoái thực ký văn, 退食記聞* (VHv.1274/2, tờ 46a), *Khâm định thăng bình bách vịnh* 欽定昇平百詠集 (AB.587, tờ 24a), *Thự Ninh Thái Tổng đốc Nguyễn Quốc Hoan vịnh Bắc Ninh phong cảnh tập* 署寧太總督阮國歡詠北寧風景集 (VHv.1729).

Bên cạnh các thi tập của vua chúa, một số di tích thờ Tứ Pháp cũng còn lưu giữ được các tác phẩm đề vịnh về Tứ Pháp. Đó là bài thơ trường thiên *Pháp Vân cổ tự bi ký* 法雲古寺神記 của Lý Tử Tấn được chép lại trong *Toàn Việt thi lục* 全越詩錄 và *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄, đều do Lê Quý Đôn biên soạn. *Hồng Đức Quốc âm thi tập* 洪德國音詩集 có chép một loạt bài thơ vịnh chùa Pháp Vân với niềm tin rõ ràng vào sự linh ứng của Phật Pháp Vân. Những bài thơ Nôm này minh chứng rằng Phật giáo dưới thời Lê vẫn phát triển mạnh mẽ và thể hiện rõ nét tính dân tộc, nhằm đối kháng lại nền Phật giáo của nhà Minh đưa sang. Cuối thế kỉ XVI, tác phẩm *Việt sử diễn âm* 越史演音 (tác giả khuyết danh) bằng chữ Nôm còn nhắc đến Tứ Pháp:

“Siêu Loại có làng Cổ Châu/ Làm bốn tượng Phật nhẵn sau còn truyền/ Hiệu là Pháp Vũ, Pháp Vân/ Pháp Lôi, Pháp Điện còn truyền đến nay”¹⁴.

Chúa Trịnh Căn (1682-1709) có 2 bài thơ Nôm, trong đó có một bài khắc trên

biên gỗ chùa Đậu tức chùa Pháp Vũ, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (cũ) có ghi niên đại là “Chính Hòa Mậu Dần mạnh xuân cốc đán” (Ngày lành tháng giêng năm Chính Hòa Mậu Dần [1698]).

Chúa Trịnh Cương (1709-1729) có 3 bài, trong đó một bài cũng khắc trên chùa Pháp Vũ, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (cũ) được ghi niên đại là “Vĩnh Thịnh thập tứ niên thập nguyệt thập cửu nhật” (Ngày 19 tháng 10 năm Vĩnh Thịnh thứ 14 [1718])¹⁵.

2. Nhận xét về văn bản liên quan đến tín ngưỡng thờ Tứ Pháp ở VNCHN

Nếu nhìn nhận sự tích Tứ Pháp là một Phật thoại mà các văn bản ghi chép này như một tác phẩm văn học thì 4 bản sách dưới đây là quan trọng nhất:

1. *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (A.818), niên đại Cảnh Hưng thứ 13 (1752). Bản dịch Nôm sự tích Phật Pháp Vân ở chùa Cổ Châu, đất Luy Lâu, Thuận Thành (tức sự tích Man Nương, theo *Báo cực truyện*).

2. *Cổ Châu Tứ Pháp phả lục (Tứ Pháp ngọc phả)* (A.2051)

Sự tích bốn vị thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện (Thần Mây, Thần Mưa, Thần Sấm, Thần Sét) thờ ở chùa Đậu, xã Cổ Châu, huyện Siêu Loại, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh: Đời Sĩ Vương, ở làng Mãn Xá, Bắc Ninh, có cô gái tên là Man Nương tu ở chùa Linh Quang. Một hôm, Man Nương ngủ say, có một nhà sư bước qua người nàng. Tỉnh dậy, nàng thấy xúc động trong lòng, rồi có mang. Đến kì sinh nở, Man Nương đẻ ra hòn đá. Nhà sư đem hòn đá để vào hốc cây đa. Sau mấy năm, cây đa bị đổ, trôi về

làng Cổ Châu. Sĩ Vương sai vớt cây ấy lên nhưng bao nhiêu người lôi cũng không được. Chỉ có Man Nương mới đưa được cây lên bờ. Khi xẻ cây ra, thấy có danh hiệu 4 vị Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), bèn cho tạc 4 pho tượng để thờ. Phần sau *Tứ Pháp Ngọc phả Quốc âm* gồm 126 câu thơ Nôm thể 6 - 8, kể sự tích 4 vị thần nói trên.

3. *Pháp Vũ tự thực lục* 法雨寺實錄 (A.2933)

Sự tích Thần Pháp Vũ xem *Thánh tích thực lục* 聖跡實錄 (A.1067); sự tích vị thần thờ ở xã Đình Tổ; các nghi tiết tế thần và 45 bài gồm văn tế, cáo các thần, các bậc tiên thánh, tiên hiền.

4. *Thánh tích thực lục* (A.1067)

Sao lại năm Thành Thái Đinh Dậu (1897), tàng bản tại chùa Gia Phúc Thành Đạo, chép nội dung *Pháp Vũ tự thực lục*.

Sự tích bốn vị thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện dù có khác biệt về tiểu tiết, tên gọi nhưng nội dung chính của "Truyện Man Nương là tương đối giống nhau và có thể được tóm tắt như sau:

Dưới thời Sĩ Nhiếp, có một vị sư từ Ấn Độ là Khâu Đà La đến truyền đạo tại Luy Lâu. Có người con gái tên là A Man (Man Nương) theo học Phật pháp, phụ giúp các việc tại chùa. Một ngày nọ Man Nương ngủ quên trước cổng chùa, sư Khâu Đà La đi về không nỡ đánh thức bèn bước qua người. Sau đó Man Nương bỗng dưng có thai. Man Nương xấu hổ bỏ đi, rồi sinh ra được một bé gái liền bế đến trả sư. Sư Khâu Đà La khẩn xin với cây rừng thì có một cây dung thụ mở thân gỗ ra, sư đặt đứa bé vào trong, cây khép lại. Trước khi từ biệt, sư đưa cho Man Nương

một cây trượng, dặn khi nào hạn hán thì cắm xuống đất. Đến năm đại hạn, Man Nương cắm gậy xuống đất thì có nước chảy ra, dân được nhờ ơn. Một năm mưa to gió lớn, cây dung thụ bị đổ trôi theo sông Dâu về đến thành Luy Lâu thì mắc lại ven bờ. Bao nhiêu người kéo lên cũng không được. Sĩ Nhiếp (hoặc Man Nương) đến làm lễ cho kéo cây dung thụ lên bờ và chia làm bốn phần, tạc thành bốn pho tượng Phật. Khi cắt bên trong cây thì chỗ đặt đũa bé ngày xưa đã trở thành một khối đá. Bốn pho tượng gọi là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện chia cho bốn chùa để thờ, cầu mưa rất linh ứng. Người ta gọi Man Nương là "Phật Mẫu" (mẹ của Phật). Ngày Man Nương mất, dân địa phương lấy làm ngày lễ, hằng năm cúng tế, mở hội.

Các bộ sử lớn của nhà nước đã từng ghi nhận 23 lần cầu đảo (cầu tạnh và cầu mưa) ở các đền thờ Tứ Pháp, trong đó có 21 lần diễn ra ở thời Lý, 1 lần dưới thời Lê và 1 lần dưới thời Tây Sơn. Ngoài ra, các triều đình phong kiến còn ban tặng sắc phong với những mỹ tự cao nhất dành cho Tứ Pháp, cho thấy sự coi trọng ở mức cao nhất đối với tín ngưỡng này. Về sắc phong của triều đình, Pháp Vân được phong đến *Pháp Vân Phật Bồ Tát*, *Pháp Vân Đại Bồ Tát*; Pháp Điện được phong đến *Pháp Điện Đại Bồ Tát*.

Thần tích ghi danh hiệu Man Nương là *Đại Thánh*; Tứ Pháp có danh hiệu *Nam Thiên Tứ Thánh*, *Nam Thiên Tứ Pháp Đại Thánh*. Danh hiệu từng vị trong Tứ Pháp cũng được tôn xưng ở bậc cao nhất: Với Pháp Vân thì là *Pháp Vân Phật Thượng Đẳng Thần*, *Pháp Vân Vương Mẫu Thiên*

Thần, *Pháp Vân Phật Thánh*; Pháp Vũ được tôn xưng là *Pháp Vũ Đại Thánh*, *Pháp Vũ Phật Tôn Thần*. Pháp Lô được tôn xưng là *Pháp Lô Bồ Tát*. Bốn vị còn được tôn xưng là: *Pháp Vân Thạch Quang Vương Phật*, *Pháp Vũ Thạch Quang Vương Phật*, *Pháp Lô Thạch Quang Vương Phật*, *Pháp Điện Thạch Quang Vương Phật*. Còn Thạch Quang được *Thạch Quang Vương Phật Thiên Thần*.

Sự tham gia của giới trí thức Nho học, thông qua việc soạn thảo các văn bản liên quan đến các nghi lễ, truyền lưu sự tích (ghi chép, diễn Nôm, soạn văn bia) cho thấy không chỉ tín ngưỡng Tứ Pháp được coi trọng mà còn trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo của nhà Nho các triều đại. 10 nhà khoa bảng soạn thảo văn bia tại các đền Tứ Pháp là những người có danh vọng cho thấy những ngôi đền này được thờ cúng chu đáo trong suốt chiều dài lịch sử.

Tín ngưỡng Tứ Pháp lan tỏa trong phạm vi không rộng lớn, nhưng các di tích đền chùa được lập lên để thờ phụng có mật độ khá dày, bắt đầu từ vùng Luy Lâu, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh kéo xuống đến Văn Lâm, Hưng Yên, lan tỏa sang Hà Nam, Hà Nội cho thấy người dân ở vùng trọng tâm của châu thổ Bắc Bộ tin sùng pháp lực vô biên của các vị thần Tứ Pháp, để cầu đảo đem lại mưa thuận gió hòa, nhân khang vật thịnh. Văn bia ghi lại sự tích Tứ Pháp, quá trình xây dựng, trùng tu tôn tạo các di tích thờ Tứ Pháp, cùng quy mô kiến trúc và các điển lễ thờ cúng cho thấy một sự liên tục trong quá khứ tín ngưỡng Tứ Pháp được nhân dân tôn trọng và duy trì.

3. Thay lời kết

Từ một tín ngưỡng dân gian có ảnh hưởng từ Phật giáo Ấn Độ thuở sơ khai, câu chuyện về Man Nương đã được văn bản hóa và cùng với đó là Nho giáo hóa, để rồi lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội và lịch sử văn hóa. Truyền thuyết Man Nương đã được ghi lại trong nhiều thư tịch cổ như: *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Hồng Đức Quốc âm thi tập*... Quá trình văn bản hóa, cố định hóa nguồn tư liệu dân gian do các nhà trí thức các thời đại và các triều đình phong kiến cho thấy sự tham gia can dự của các nhà Nho vào tín ngưỡng dân gian, cũng như sự thể hiện sự thâm tóm của các vương triều đối với tín ngưỡng dân gian (thông qua việc ban sắc phong, điển lễ thờ cúng...).

Về mặt văn học, tín ngưỡng Tứ Pháp là nguồn cảm hứng lớn lan tỏa sâu rộng dân gian, thông qua việc diễn âm Nôm, kể hạnh rất gần gũi trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của nông thôn Bắc Bộ. Các bản Nôm liên quan đến tín ngưỡng Tứ Pháp cho thấy quá trình Việt hóa tín ngưỡng ngoại nhập trước hết là sự diễn dịch về ngôn ngữ./.*

N.X.D - N.Q.K

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu tư liệu Hán Nôm về Tứ Pháp” do TS. Nguyễn Xuân Diện làm Chủ nhiệm thực hiện năm 2023-2025.

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Xem Nguyễn Quốc Khánh (2024), “Tìm hiểu nghi lễ thực hành tín ngưỡng Tứ Pháp qua văn bản Hán Nôm”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2024*, NXB. Thế Giới, Hà Nội, tr.279 và 281.

2. Xin xem, Nguyễn Quang Hồng (chủ biên, 1997), *Di văn chùa Dâu*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Xin xem, Nguyễn Quang Hồng (chủ biên, 1997), *Di văn chùa Dâu*, sđd.

4. Nhà sư Thích Quảng Điều (còn gọi là Tính Quảng Thích Điều Điều) vốn là người hay chữ, từng soạn nhiều bài văn bia, như *Liên Phương tháp ký* 聯芳塔記 (N°11786 - VNCHN) và *Tịnh Hạnh tháp ký bảo lục* 淨行塔記寶錄 (N°11787-VNCHN) đều dựng ở chùa Quang Khánh xã Dưỡng Mông (Kim Thành, Hải Dương) năm 1757. Như vậy, nhà sư Thích Quảng Điều cũng là người đương thời với nhà sư Tính Mộ ở chùa Dâu hồi ấy. Đúng 40 năm sau khi *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* và *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh* được khắc in, thì nhà sư Chiếu Tuyên (1754 - 1801) kế tục công đức của nhà sư Tính Mộ, đã dựa vào văn bản do nhà sư Thích Quảng Điều “sửa chép” (tức biên tập lại) rồi đem cho san khắc thành ván in.

5. Ngoài ra, tại Viện Thông tin KHXH lưu trữ 6 bản thân tích Tứ Pháp đều thuộc tỉnh Hưng Yên: Thôn Xuân Thọ, làng Thái Lạc, tổng Thái Lạc, huyện Văn Lâm (TTTS 12691), Làng Duyệt Lễ, tổng Ba Đông, huyện Phù Cừ (TTTS 12439), Xã Duyệt Văn, tổng Ba Đông, huyện Phù Cừ (TTTS 12447), làng Thổ Hoàng, tổng Thổ Hoàng, phủ Ân Thi (TTTS 11947), làng Xuân Nhân, tổng Bạch Sam, huyện Mỹ Hào (TTTS 12331), làng Nhạc Miếu, tổng Thái Lạc, huyện Văn Lâm (TTTS 12709).

6. Nguyễn Thị Anh (2024), “Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Tứ Pháp ở thời Lý qua *Đại Việt sử ký toàn thư*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (186), tr.72.

7. Nguyễn Thị Anh (2024), bđd, tr.72.

8. Nguyễn Thị Anh (2024), bđd, tr.70.

9. Nguyễn Thị Anh (2024), bđd, tr.70.

10. Nguyên văn chữ Hán: 光中二年時逢早曠奉迎四聖就南郊殿祈雨凡二日夜即注大雨至己酉年夏六月田疇乾令刑部尚書覺

理侯奉迎大聖法雲大聖法電在文甲寺大聖法雨在成道寺在古珠延應寺合禱即注大雨, từ 7b, VHv.1306.

11. Nguyên văn chữ Hán: 太尉黎可往古珠 (社名) 迎法雲佛像詣京城報天寺詔群僧誦經禱祝帝與皇后禱拜焉 (từ 68b, Bản kỷ, quyển XI, Bản Chính Hòa, *Đại Việt sử ký toàn thư*).

12. *Lịch đại phong tặng mỹ tự* 歷代封贈美字 (VHv.1306):

(từ 4b) 李仁宗即位之年秋久雨連月命迎四聖赴報天寺親臨禮拜乞晴豁然清霽.

(từ 5a) 太寧三年秋旱敕令中書相公杜傑率群臣朝服左街僧統李安靜率袈裟詣典東林寺焚香展拜沛然大雨.

(từ 5b) 李英宗丙辰十七年夏六月百官備禮迎四聖詣報天寺請太后禮沛祈雨車駕至永平雨乃驟至.

(từ 6a) 大慶九年夏六月有差官詣文甲寺祈雨沛然大雨.

(từ 6b) 黎朝永祚十年歲在戊辰八月大早差官詣文甲寺祈雨氏日即大雨.

(từ 7a) 黎皇鄭主時逢早暵奉迎四聖詣報天寺祈雨即注大雨.

(từ 7b) 光中二年時逢早暵奉迎四聖就南郊殿祈雨凡二日夜即注大雨至己酉年夏六月田疇乾令刑部尚書覺理侯奉迎大聖法雲大聖法電在文甲寺大聖法雨在成道寺在古珠延應寺合禱即注大雨.

13. Ngoài ra, tại Viện Thông tin KHXH hiện lưu trữ bản khai sắc phong của 61 xã thôn thờ Tứ Pháp. Như vậy, Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Thông tin KHXH có tổng cộng 104 đơn vị tài liệu về sắc phong cho các xã thôn thờ phụng Tứ Pháp.

14. Từ 6a, AB.110, VNCHN:

超類固郎古州/少眾相伏 訶鞞群傳/号羅法雨法雲/法雷法電群傳典齡.

Xin xem Nguyễn Tá Nhí (sưu tầm, giới thiệu, biên dịch, 1997), *Việt sử diễn âm*, NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.46 và phụ lục. Và Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2016), *Tuyển tập thơ, phú thời Mạc*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.104 và phụ lục.

15. Đinh Khắc Thuân (2004), “Chữ Nôm trên văn bia thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)”, *Tạp chí Hán Nôm* số 6, tr.47.

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Nguyễn Mạnh Cường (2000), *Chùa Dâu - Tứ Pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Nguyễn Quang Hà (2004), “Tìm hiểu thêm về lịch sử chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh)”, *Thông báo Hán Nôm học 2004*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

3. Nguyễn Quang Hồng (1995), “Bộ ba ván khắc *Cổ Châu lục, Cổ Châu hạnh, Cổ Châu nghi* và văn hiến Hán Nôm chùa Dâu”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (23).

4. Trịnh Khắc Mạnh - Trương Đức Quả (1994), “Về những thạc bản văn khắc chữ Nôm ở Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2.

5. Lê Việt Nga (1993), “Văn bản *Cổ Châu Phật bản hạnh*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (16).

6. Lê Mạnh Thát (2006), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập I - Từ Khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Tham khảo chương III: *Khâu Đà La, Man Nương và Đức Phật Pháp Vân*, từ tr.133-168.

7. Lê Mạnh Thát (2006) *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập II - Từ Lý Nam Đế (544) đến Lý Thái Tông (1054), NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Lê Mạnh Thát (2005), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập III - Từ Lý Thánh Tông (1054) đến Trần Thánh Tông (1278), NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Lê Mạnh Thát (2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Tái bản có bổ sung, NXB. Hồng Đức.

10. Ngô Đức Thọ (chủ biên, 2007), *Từ điển Di tích Văn hóa Việt Nam tổng hợp từ tư liệu thư tịch Hán Nôm*, NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

11. Phan Cẩm Thượng (2002), *Chùa Dâu và nghệ thuật Tứ Pháp*, NXB. Mỹ thuật, Hà Nội.

12. Thanh Hòa Tử - Qué Hiên Tử (2021), *Hội Chân biên*, Nguyễn Thanh Tùng khảo cứu và dịch chú, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh*, NXB. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
14. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1996), *Bảng tra Thần tích theo địa danh làng xã*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. *Thiền uyển tập anh* (1990), Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch, NXB. Văn học, Hà Nội.
16. Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2009), *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2009), *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long (2010), *Chùa Việt Nam*, In lần thứ tư có bổ sung, sửa chữa giới thiệu 118 ngôi chùa trong toàn quốc, NXB. Thế Giới, Hà Nội.
19. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập I, NXB. Văn hóa, Hà Nội.
20. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập II, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2016), *Di sản Hán Nôm trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam*, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 508tr.
22. Trần Nghĩa - Françoise Gros (đồng chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Tài liệu tham khảo Hán Nôm**
23. *Pháp Vũ tự thực lục 法雨寺實錄*, A.2933, VNCHN.
24. *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục 古珠法雲拂版行語錄*, A.818, VNCHN.
25. *Pháp Vân tiên hiền phả kí 法雲先賢譜記*, A.981, VNCHN.
26. *Pháp Vân xã tiên hiền bạ 法雲社先賢簿*, A.993, VNCHN.
27. *Cổ Châu Tứ Pháp phả lục 古珠四法譜錄*, A.2051, VNCHN.
28. *Lĩnh Nam chí quái 嶺南摭怪*, A.33, VNCHN.
29. *Việt điện u linh 越甸幽靈*, A.751, VNCHN.
30. *Ức Trai di tập 抑齋遺集*, Q.6. VHv.1772/3, VNCHN.
31. *Liệt tiên truyện 列仙傳*, VNv. 284, VNCHN.

Bảng tổng hợp văn bia dựng ở những nơi thờ Tử Pháp

Số TT	Tên bia và Ký hiệu kho	Người soạn văn bia	Niên đại soạn khắc	Di tích - Địa phương	Tên thân
1	<i>Phù Ninh xã phụng sự Hậu Phật bi ký</i> 扶寧社奉事後佛碑記 N°2467/2468	Tiến sĩ Đãng [Công Diễn]. Chức vị: Lê khoa Đò cấp sự trung	Long Đức thứ 2 (1733)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
2	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2329/2330	Không ghi	Cánh Hưng thứ 45 (1784)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
3	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2331/2332	Tiến sĩ Bùi Trọng Huyền	Cánh Hưng thứ 4 (1743)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
4	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2333/2334	Họ Nguyễn (Thị nội thư tá)	Cánh Hưng thứ 2 (1741)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
5	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2335/2336	Tiến sĩ Nguyễn Mậu Thịnh	Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
6	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2337/2338/2339	Tiến sĩ Đinh Nguyễn Hanh	Cánh Hưng thứ 4 (1743)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
7	<i>Trùng tu Pháp Vân tự bi ký</i> 重修法雲寺碑記 N°2340/2341/2342	Phạm Kinh Trai (tức Tiên sĩ Phạm Khiêm Ích)	Long Đức thứ 2 (1733)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
8	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2343/2344	Tiến sĩ Trần Xuân Yên	Bảo Thái thứ 8 (1727)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
9	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2437/2438	Đặng Huy Tôn	Canh Tuất (?)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
10	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N°2459/2460/2461	Nguyễn Đức Mậu, tước Kiêu Lĩnh Nam	Đức Nguyên thứ 2 (1675)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh	Pháp Vân
11	<i>Sắc chi Cổ Châu Diên Ứng tự</i> 敕旨古珠延應寺 N°2783/2784	Các Lệnh chi của Chúa Trịnh thời Lê và Sắc phong của triều Nguyễn cho xã Khương Tự và chùa Diên Ứng.	Khắc lại năm Tự Đức thứ 3 (1850)	Chùa Diên Ứng xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Pháp Vân
12	<i>Pháp Vân tự bi</i> 法雲寺碑 N°3716	Không ghi	Vĩnh Tô thứ 10 (1628)	Chùa Pháp Vân (Long Hoa), xã Như Lân, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh	Pháp Vân
13	<i>Tông sư bi ký/Môn đồ/Đệ tử/Tri sư am tháp</i> 宗師碑記/門徒/弟	Tính Hựu	Vĩnh Hựu thứ 5 (1739)	Chùa Pháp Vân, xã Xích Đằng huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân

TỔNG QUAN TÀI LIỆU HÁN NÔM VỀ TÍN NGƯỠNG...

	子/置千庵塔 N°3731/3732/3746/3747		Nguyễn Đức Thông	Diên Thành thứ 5 (1582)	Chùa Pháp Vân, thôn Chu Cầu, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Bắc Ninh	Pháp Vân
14	Tín thí Pháp Vân tự bi 信施法雲寺碑 N°5261		Nguyễn Quang Trám	Hoàng Định thứ 12 (1611)	Chùa Pháp Vân, xã Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
15	Pháp Vân tự bi ký/法雲寺碑記 N°6154/6155		Đỗ Tiến Lộc, chức Thị nội thư tá, Bình phiên	Chính Hòa thứ 24 (1703)	Chùa Pháp Vân, xã Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
16	Pháp Vân tự bi ký/ Tạo các chung nhất toa 法雲寺碑記//造閣鐘一座 N°6156/6157		Nguyễn Duy	Dương Hòa thứ 2 (1636).	Chùa Pháp Vân xã Thái Lạc tổng Thái Lạc huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
17	Pháp Vân tự bi ký/Tín thí 法雲寺碑記/信施 N°6152/6153		Không ghi	Cảnh Hưng thứ 43 (1782)	Chùa Pháp Điện, thôn Xuân Trù, xã Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Pháp Điện
18	Pháp Điện tự/Thiên trường /Địa cứu 法電寺/天長/地久 N°6165/6166/6167		Không ghi	Giáp Thân (?)	Chùa Pháp Vân, thôn Bùi Xá, xã Nhân Hòa Thượng, tổng Sài Trang, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
19	Hậu Phật bi ký 後佛碑記 N°7122		Không ghi	Vĩnh Hựu thứ 3 (1737)	Chùa Pháp Vân, thôn Bùi Xá, xã Nhân Hòa Thượng, tổng Sài Trang, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
20	Ngạch viết trung tu Phật tượng bi ký 額曰重修佛像碑記 N°7124/7125	Giám sinh họ Ngô		Bảo Thái thứ 9 (1729)	Chùa Pháp Vân, xã Nhân Hào Trung, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
21	Hậu Phật bi ký 後佛碑記 N°7191/7192	Không ghi		Bảo Thái thứ 9 (1729)	Chùa Pháp Vân, xã Nhân Hào Trung, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Pháp Vân
22	Hạ Pháp Vân tự bi ký 下法雲寺碑記 N°7193/7194	Họ Ngô, hiệu Cán Am; chức vị: Tán trị thừa chánh sử ty Tham nghị xứ Nghệ An.		Hoàng Định thứ 17 (1616)	Chùa Pháp Vân, xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vân
23	Pháp Vân tự bi ký/Thập phương công đức 法雲寺碑記/十方功德 N°8192/8193	Không ghi		Vĩnh Thọ thứ 4 (1661)	Chùa Pháp Vân, xã Văn Lâm, tổng Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Pháp Vân
24	Tu tạo Phật Pháp Vân tự bi/Tam bảo điện 修造佛法雲寺 碑/三寶田	Không ghi				

	N ^o 10323/10324	Nguyễn Chí Nhuận, Sinh đồ			
25	<i>Pháp Vũ tự Tam Phủ từ bi kí pháp</i> 雨寺三府祠碑記 N ^o 1288/1289	Nguyễn Chí Nhuận, Sinh đồ	Chính Hòa thứ 8 (1687)	Chùa Pháp Vũ, xã Yên Sở, tổng Dương Liễu, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
26	<i>Hậu Phát bi 後佛碑</i> N ^o 7848/7849	Tiến sĩ Nguyễn Công Thái. Tham tụng Hộ bộ Thượng thư, Thiếu bảo trí sĩ; tước Kiêu Quận công.	Cảnh hưng thứ 12 (1751)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
27	<i>Tu tạo Pháp Vũ tự bi/Thập phương tín thí ký 修造法雨寺碑</i> 十方信施記 N ^o 7850/7851	Tiến sĩ Nguyễn Thọ Xuân	Dương Hòa thứ 5 (1639)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
28	<i>Pháp Vũ tự bi 法雨寺碑</i> N ^o 7852/7853	Người họ Tạ trong xã.	Sùng Khang thứ 4 (1569)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
29	<i>Pháp Vũ tự tạo lệ bi/Khoán ước tình điền kí</i> 法雨寺皂隸碑/券約并田記 N ^o 7854/7855	Khắc nguyên văn tờ lệnh dụ của chúa Trịnh.	Thịnh Đức thứ 4 (1656)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
30	<i>Pháp Vũ tự bi 法雨寺碑</i> N ^o 7864	Nguyễn Doãn Tâm. Chức vị: Chánh vương phủ Thị nội Thư tá. Hai đạo sắc phong của vua Lê Thần Tông.	Thịnh Đức thứ 3 (1655)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
31	<i>Tu Pháp Vũ tự/Trường Thọ am bi/ Di đà phát/ Điền ký 修法雨寺/長壽庵碑/彌陀佛/田記</i> N ^o 7876/7877/7878/7879	Không ghi	Dương Hòa thứ 7 (1641)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
32	<i>Ngự đề Pháp Vũ tự thi 御題法雨寺詩</i> N ^o 7880	Thơ Nôm Trịnh Cương	Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
33	<i>Pháp Vũ tự bi kí pháp 雨寺碑記</i> N ^o 7881	Không ghi	Chính Hòa thứ 19 (1698)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
34	<i>Pháp Vũ tự khánh 法雨寺磬</i> N ^o 20932/20933	Tiến sĩ Phan Lê Phiên Chức vị: Đông các Đại học sĩ, kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp.	Cảnh Hưng thứ 35 (1774)	Chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông	Pháp Vũ
	<i>Hậu Phát bi kí 後佛碑記</i>	Không ghi	Gia Long thứ 2	Chùa Pháp Lôi, thôn Đông Nghệ, xã Ngải Dương,	Pháp Lôi

TỔNG QUAN TÀI LIỆU HÁN NÔM VỀ TÍN NGƯỠNG...

35	N°5887/5888/5889/5890			(1803)	tổng Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.	Pháp Vân
36	Cổ Châu tự Hậu phát bi/Tượng công phu nhân nhị vị 古珠寺後佛碑/相公夫人二位	Sinh đồ Triệu Danh Lập		Cảnh Hưng thứ 24 (1763)	Chùa Diên Ứng (xưa là Cổ Châu), xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Pháp Vân
37	[Vô đề] N°2761	Không ghi		Cảnh Hưng thứ 30 (1769)	Chùa Diên Ứng (xưa là Cổ Châu), xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Pháp Vân
38	Diên Ứng Đại Thiên tự bi kí 延應大禪寺碑記	Đặng Công Vịnh		Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716)	Chùa Diên Ứng (xưa là Cổ Châu), xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận An	Pháp Vân
39	Hòa Phong tháp bi kí 和豐塔碑記	Cựu Tri huyện của huyện Thượng Nguyên		Vĩnh Hựu thứ 4 (1738)	Chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An	Pháp Vân
401	Chieu Ung thiên tự/Hung công thạch bi 朝應禪寺/興功石碑	Không ghi		Chính Hòa thứ 20 (1699).	Chùa Chiêu Ứng, xã Đông Côi, huyện Gia Định, phủ Thuận An	Pháp Vân
41	Chieu Ung tự bi 照應寺碑	Không ghi		Dương Hòa thứ 5 (1639)	Chùa Chiêu Ứng, xã Đông Côi, huyện Gia Định, phủ Thuận An	Pháp Vân
42	Chieu Ung thiên tự hưng công thạch bi 照應禪寺興功石碑	Không ghi		Vĩnh Hựu thứ 4 (1738)	Chùa Chiêu Ứng, xã Đông Côi, huyện Gia Định, phủ Thuận An	Pháp Vân
43	[Vô đề] N°2760	Không ghi		Cảnh Hưng thứ 21 (1760)	Chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An	Pháp Vân
44	[Vô đề] N°2761	Không ghi		Cảnh Hưng thứ 30 (1769)	Chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An	Pháp Vân
45	[Vô đề] N°2763	Không ghi		Không ghi	Chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An	Pháp Vân
46	Hậu phát bi kí 後佛碑記	Không ghi		Cảnh Hưng thứ 36 (1775)	Chùa Diên Ứng xã Khương Tự phủ Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh.	Pháp Vân
47	Hậu Phát bi kí 後佛碑記	Sinh đồ Triệu Danh Lập		Cảnh Hưng thứ 21 (1760)	Chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An	Pháp Vân
48	Hậu Thần bi kí 后神碑記	Không ghi		Chiêu Thống thứ 1 (1787)	Chùa Pháp Vân, xã Đại Tự tổng Khương Tự huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh.	Pháp Vân
49	[Vô đề] N° 7882/7883	Không ghi		Không ghi	Chùa xã Gia Phúc tổng La Phù huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông.	Pháp Vũ
50	Pháp Vũ tự tạo lệ bi 法雨寺皂例碑	Đỗ Khuê. Chức vị: Đề lại nha môn huyện Thượng		Cảnh Hưng thứ 3 (1742)	Chùa Pháp Vũ, xã Thượng Phúc huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín đạo Sơn Nam	Pháp Vũ

	N°8103/8104	Phúc.						
51	<i>Hâu/Phật/Bi/Ký</i> 後/佛/碑/記 N°9187/9188/9189/9190	Không ghi		Cảnh Hưng thứ 33 (1772)	Chùa Pháp Lôi xã Thiện Mỹ tổng Ngọc Thành huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang.		Pháp Lôi	
52	<i>Bảo tín bi ký/Lưu truyền vạn đại</i> 寶信碑記/流傳萬代 N°2464/2465	Tiền sĩ Đặng [Công Diển]. Chức vị: Lễ khoa Đò cấp sự trung.		Long Đức thứ 2 (1733)	Chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.		Pháp Vân	
53	<i>Pháp/Vân/Tư/Chung</i> 法/雲/寺/ 鍾 N°9992/9993/9994/9995	Không ghi		Cảnh Thịnh thứ 5 (1797)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
54	<i>Hậu Thần vị</i> 後神位 N°9996	Không ghi		Không ghi	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
55	<i>Hậu Phật bi</i> 後佛碑 N°9997	Không ghi		Tân Ty (?)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
56	<i>Hậu Phật bi</i> 後佛碑 N°9998	Không ghi		Không ghi	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
57	<i>Hậu Phật bi</i> 後佛碑 N°9999	Không ghi		Tân Ty (?)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
58	<i>Hậu Phật bi ký</i> 後佛碑記 N° 10000	Không ghi		Không ghi	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
59	<i>Hậu thần bi ký/Ức tải lưu truyền</i> 後神碑記/億載流傳 N°10009/10010	Nguyễn Hữu Vinh; chức vị: Thị nội Tểng thống ty Tểng lục; Trụ trì chùa Pháp Vân.		Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
60	<i>Tự sự vĩnh diên</i> 祀事永延 N°10011	Không ghi		Chính Hòa thứ 24 (1703)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
61	<i>Hậu Phật/Bi ký</i> 後佛/碑記 N°10013/10014	Tiền sĩ Nguyễn Diệu Huyền; chức vị: Cấp sự trung, Giám sát Ngự sử.		Cảnh Hưng thứ 17 (1756)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
62	<i>Sáng lập</i> 創立 N°10015	Sa môn Như Nhất; chức vị: Tểng Thống ty Tểng lục.		Cảnh Hưng thứ 40 (1779)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
63	<i>Trùng tu Pháp Vân tự bi ký/Bản tự xã công đức tính danh</i> 重修法雲寺碑記/本寺社功德姓名 N°10022/10023	Tiền sĩ Vũ Thanh		Cảnh Hưng thứ 16 (1755)	Chùa Pháp Vân, xã Liêu Trung, tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Pháp Vân	
64	<i>Phúc điền bi</i> 福田碑 N°5806	Tiền sĩ Nguyễn Lễ; Chức vị: Công bộ Hữu thị lang; tước Quế Giang bá.		Hoàng Định thứ 8 (1607)	Chùa Pháp Lôi, xã Nhạc Miếu tổng Thái Lạc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.		Pháp Lôi	